# Unit 5F. Reading (trang 45)

**SBT Tiếng Anh 11 trang 8 Unit 5F. Reading - Friends Global**  
**Intelligent footballers**  
**(Cầu thủ thông minh)**  
*I can understand a text about robot footballer.*  
**Revision: Student Book page 67**  
**1. Complete the verb-noun collocations in the sentences with the words below.**  
*(Hoàn thành các cụm từ động từ-danh từ trong câu với các từ dưới đây.)*  
  
1 The young mother takes pictures of her baby on the same day each month in order to keep \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_of her baby's growth.  
2 Ann is there to \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the gap between Nick and his classmates.  
3 Can you offer me \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ with this bag?  
4 Sam doesn't take his laptop with him today, so he can’t send \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_to his manager.  
5. During the lesson, Nick sometimes got stuck on the questions, so Ann had to \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ a few suggestions.  
**Phương pháp giải:**  
\*Nghĩa của từ vựng  
reports (n): báo cáo  
track (n): dõi theo  
a hand (n): tay  
bridge (n): bắt cầu  
make (v): làm  
**Lời giải chi tiết:**  
  
1 The young mother takes pictures of her baby on the same day each month in order to keep **track** of her baby's growth.  
*(Người mẹ trẻ chụp ảnh con mình vào cùng một ngày mỗi tháng để theo dõi sự lớn lên của con mình.)*  
2 Ann is there to **bridge** the gap between Nick and his classmates.  
*(Ann ở đó để thu hẹp khoảng cách giữa Nick và các bạn cùng lớp.)*  
3 Can you offer me **a hand** with this bag?  
*(Bạn có thể giúp tôi một tay với chiếc túi này được không?)*  
4 Sam doesn't take his laptop with him today, so he can’t send **reports** to his manager.  
*(Hôm nay Sam không mang theo máy tính xách tay nên anh ấy không thể gửi báo cáo cho người quản lý của mình.)*  
5. During the lesson, Nick sometimes got stuck on the questions, so Ann had to **make** a few suggestions.  
*(Trong giờ học, Nick đôi khi bị mắc kẹt trong các câu hỏi nên Ann phải đưa ra một vài gợi ý.)*  
**2. Read the text. Are the sentences true (T) or false (F)?**  
*(Đọc văn bản. Các câu này đúng (T) hay sai (F)?)*  
1 RoboCup takes place every year. ☐  
2 Twelve countries produce very strong teams. ☐  
**RoboCup**  
RoboCup is a football competition that has taken place every year since 1997. But the players are not human; they are robots. The competition's full name is 'Robot Soccer World Cup, and the aim is to create, by the middle of the 21st century, a team of robot footballers that are able to play against and beat the winners of the real World Cup.  
In order for robots to play football, robotics companies have had to develop special technologies. A robot can't just run onto the field and start kicking the ball. So each robot is fitted with a webcam which is connected to a computer inside the robot. The robot is able to see where the other players are, where the goal is and, most importantly, where the ball is. They are programmed to make their own decisions and during the match the robots' creators are not allowed to tell them what to do. The robots are, however, able to communicate with other members of their team, via a wireless network. They might, for example, communicate a message like this to a team-mate: 'I'm nearest the ball. I'm going to kick it. You go and defend the goal. They know who to pass to and how best to get the ball past an opponent. Australian, German and American teams dominate the competition, though teams from twelve countries competed at the last tournament. There is a long way to go before robots will be able to compete against humans. They need to become more intelligent and become able to react more quickly and anticipate the game. But the technologies that are being developed for scoring goals have other uses as well. It may be possible to develop robots that can be used in search and rescue, for example, finding people trapped in buildings after earthquakes. They may not be as fun to watch as real footballers, but at least they don't demand enormous salaries!  
**Phương pháp giải:**  
**Tạm dịch**  
*RoboCup*  
*RoboCup là giải đấu bóng đá diễn ra hàng năm kể từ năm 1997. Nhưng các cầu thủ không phải là con người; họ là robot. Tên đầy đủ của cuộc thi là 'Robot Soccer World Cup, và mục đích là tạo ra, vào giữa thế kỷ 21, một đội gồm các cầu thủ bóng đá robot có khả năng thi đấu và đánh bại những người chiến thắng ở World Cup thực sự.*  
*Để robot có thể chơi bóng đá, các công ty chế tạo robot đã phải phát triển những công nghệ đặc biệt. Một robot không thể chạy vào sân và bắt đầu đá bóng. Vì vậy, mỗi robot đều được trang bị một webcam được kết nối với máy tính bên trong robot. Robot có thể biết những người chơi khác đang ở đâu, mục tiêu ở đâu và quan trọng nhất là quả bóng ở đâu. Chúng được lập trình để đưa ra quyết định của riêng mình và trong suốt trận đấu, người tạo ra robot không được phép bảo chúng phải làm gì. Tuy nhiên, các robot có thể giao tiếp với các thành viên khác trong nhóm của họ thông qua mạng không dây. Ví dụ, họ có thể truyền đạt một thông điệp như thế này tới đồng đội: 'Tôi ở gần quả bóng nhất'. Tôi sẽ đá nó. Bạn đi và bảo vệ mục tiêu. Họ biết phải chuyền cho ai và làm cách nào tốt nhất để đưa bóng qua đối thủ. Các đội Úc, Đức và Mỹ thống trị cuộc thi, mặc dù các đội đến từ 12 quốc gia đã thi đấu ở giải đấu vừa qua. Còn một chặng đường dài trước khi robot có thể cạnh tranh với con người. Họ cần trở nên thông minh hơn và có khả năng phản ứng nhanh hơn cũng như dự đoán được trận đấu. Nhưng các công nghệ đang được phát triển để ghi bàn còn có những ứng dụng khác. Có thể phát triển các robot có thể được sử dụng trong tìm kiếm và cứu hộ, chẳng hạn như tìm kiếm những người bị mắc kẹt trong các tòa nhà sau trận động đất. Đó có thể không thú vị khi xem như những cầu thủ bóng đá thực sự, nhưng ít nhất họ không yêu cầu mức lương khổng lồ!*  
**Lời giải chi tiết:**  
**1. True**  
RoboCup takes place every year.  
*(RoboCup diễn ra hàng năm.)*  
Thông tin: “RoboCup is a football competition that has taken place every year since 1997.”  
*(RoboCup là giải đấu bóng đá diễn ra hàng năm kể từ năm 1997.)*  
**2. False**  
Twelve countries produce very strong teams.  
*(Mười hai quốc gia sản sinh ra những đội rất mạnh.)*  
Thông tin: “They know who to pass to and how best to get the ball past an opponent. Australian, German and American teams dominate the competition, though teams from twelve countries competed at the last tournament.”  
*(Họ biết phải chuyền cho ai và cách tốt nhất để đưa bóng qua đối thủ. Các đội Úc, Đức và Mỹ thống trị cuộc thi, mặc dù các đội đến từ 12 quốc gia đã thi đấu ở giải đấu cuối cùng.)*  
**Reading Strategy**  
In a multiple-choice question, the correct option will match the meaning of the text but use different words. It is therefore important not to automatically assume that a multiple-choice option which contains words from the text is correct.  
*(Chiến lược đọc*  
*Trong câu hỏi trắc nghiệm, phương án đúng sẽ khớp với nghĩa của văn bản nhưng sử dụng các từ khác nhau. Do đó, điều quan trọng là không tự động cho rằng một phương án trắc nghiệm có chứa các từ trong văn bản là chính xác.)*  
**3. Read the Reading Strategy. Then circle the correct answers.**  
*(Đọc Chiến lược đọc. Sau đó khoanh tròn vào những câu trả lời đúng.)*  
1 The movement of each robot is controlled by  
a the fans of each team.  
b itself.  
c the captain of the team.  
d the owner of the robot.  
2 During the match, the robots can communicate with  
a any other robot on the pitch.  
b the people who created them.  
c other robots in the same team.  
d no other robots or people.  
3 Before the robots can play against humans,  
a more countries need to get involved.  
b they need increased intelligence and better movement.  
c they simply need to become more clever.  
d the technologies need to be applied in areas other than football  
4 The main goal of the organisers is to  
a have the robots play in the real World Cup.  
b develop technologies that can help in search and rescue.  
c make it more fun to watch than real footballers.  
d eventually build robots that can play better than humans.  
**Lời giải chi tiết:**  
  
**1. b**  
The movement of each robot is controlled by  
*(Chuyển động của mỗi robot được điều khiển bởi)*  
a the fans of each team.  
*(người hâm mộ của mỗi đội.)*  
b itself.  
*(chính nó.)*  
c the captain of the team.  
*(đội trưởng của đội.)*  
d the owner of the robot.  
*(chủ sở hữu của robot.)*  
Thông tin: “They are programmed to make their own decisions and during the match the robots’ creators are not allowed to tell them what to do.”  
*(Chúng được lập trình để tự đưa ra quyết định và trong suốt trận đấu, người tạo ra robot không được phép bảo chúng phải làm gì.)*  
=> Chọn b  
**2**. **c**  
During the match, the robots can communicate with  
*(Trong trận đấu, các robot có thể giao tiếp với)*  
a any other robot on the pitch.  
*(bất kỳ robot nào khác trên sân.)*  
b the people who created them.  
*(những người đã tạo ra chúng.)*  
c other robots in the same team.  
*(các robot khác trong cùng một đội.)*  
d no other robots or people.  
*(không có robot hoặc con người nào khác.)*  
Thông tin: “The robots are, however, able to communicate with other members of their team.”  
*(Tuy nhiên, robot có thể giao tiếp với các thành viên khác trong đội của chúng.)*  
=> Chọn c  
**3. b**  
Before the robots can play against humans,  
*(Trước khi robot có thể đấu với con người,)*  
a more countries need to get involved.  
*(cần có thêm nhiều quốc gia tham gia.)*  
b they need increased intelligence and better movement.  
*(họ cần tăng cường trí thông minh và chuyển động tốt hơn.)*  
c they simply need to become more clever.  
*(họ chỉ cần trở nên thông minh hơn.)*  
d the technologies need to be applied in areas other than football  
*(các công nghệ cần được áp dụng trong các lĩnh vực khác ngoài bóng đá)*  
Thông tin: “They need to become more intelligent and become able to react more quickly and anticipate the game.”  
*(Họ cần trở nên thông minh hơn và có khả năng phản ứng nhanh hơn cũng như dự đoán trận đấu.)*  
=> Chọn b  
**4. d**  
The main goal of the organisers is to  
*(Mục tiêu chính của người tổ chức là)*  
a have the robots play in the real World Cup.  
*(để các robot thi đấu ở World Cup thực sự.)*  
b develop technologies that can help in search and rescue.  
*(phát triển các công nghệ có thể hỗ trợ việc tìm kiếm và cứu hộ.)*  
c make it more fun to watch than real footballers.  
*(làm cho việc xem trở nên thú vị hơn so với những cầu thủ bóng đá thực sự.)*  
d eventually build robots that can play better than humans.  
*(cuối cùng đã chế tạo ra những robot có thể chơi tốt hơn con người.)*  
Thông tin: “the aim is to create, by the middle of the 21st century, a team of robot footballers that are able to play against and beat the winners of the real World Cup.”  
*(Mục đích là vào giữa thế kỷ 21, tạo ra một đội cầu thủ robot có khả năng thi đấu và đánh bại những người chiến thắng ở World Cup thực sự.)*  
=> Chọn d  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Unit 5A. Vocabulary (trang 40)**  
**Unit 5B. Grammar (trang 41)**  
**Unit 5C. Listening (trang 42)**  
**Unit 5D. Grammar (trang 43)**  
**Unit 5E. Word Skills (trang 44)**  
**Unit 5G. Speaking (trang 46)**  
**Unit 5H. Writing (trang 47)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 4: Home  
Unit 6: High flyers  
Unit 7: Artists  
Unit 8: Cities  
Cumulative Review